

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2017
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Bích Liên;
2. Bà Phạm Kim Tuyền.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.
Ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại phòng xử án. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2016/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 trú tại số 158A Đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)
Bị đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1981 trú tại số 158A Đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2016; Bản tự khai ngày 27/10/2016; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt một bên đương sự ngày 24/02/2017 và trong quá trình xét xử - ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị Kim L tự nguyện kết hôn vào năm 2000. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 quyển số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2000.

Thời gian đầu khi mới kết hôn thì vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống vì bà L không quan T đến gia đình, thường xuyên bài bạc có khi bỏ nhà đi vài ngày mới về.

Cũng từ đầu năm 2016 đến nay bà L và ông T không ai quan T đến ai nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông T yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Kim L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Bích Lệ, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 11/11/2004. Hiện nay cả hai con đang do ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Kim L nhưng bà L đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo thời gian, địa điểm theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2000 thì ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị Kim L có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Minh T xin ly hôn bà Lê Thị Kim Loan. Bà L cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị Kim L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống vì bà L không quan T đến gia đình, thường xuyên bài bác có khi bỏ nhà đi vài ngày mới về. Cũng từ đầu năm 2016 đến nay bà L và ông T đã mạnh ai người ấy sống, không ai quan T đến ai nữa.

Căn cứ theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Long Thới, huyện Nhà Bè thì cơ quan này không tiếp nhận sự việc mâu thuẫn giữa ông T và bà Loan.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị Kim L đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, bà L đã thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc chứng tỏ bà L cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn bà Lê Thị Kim L là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Bích Lệ, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 11/11/2004.

Hội đồng xét xử xét:

Hiện nay cả hai con đang do ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà L lại thường xuyên vắng nhà, không quan T đến gia đình. Nguyên vọng của trẻ Nguyễn Thị Bích Lệ cũng muốn được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy Ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Minh T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266; 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn bà Lê Thị Kim Loan.

2/ Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Bích Lệ, sinh ngày 03/9/2000 và Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 11/11/2004 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Lê Thị Kim L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết.

5/ Về nợ chung: Không có.

6/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Minh T chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007085 ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A DS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Long